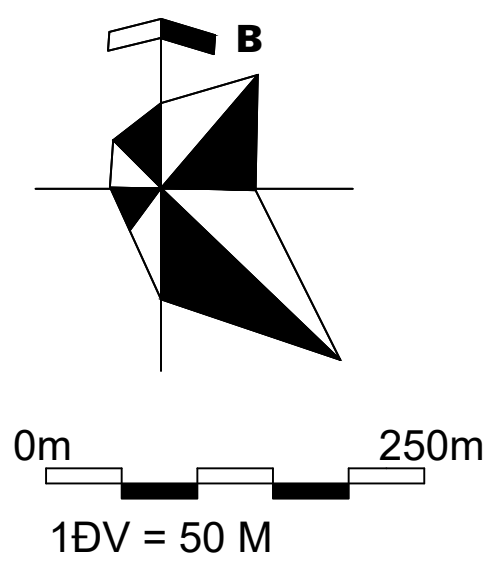




ĐỊ THỊ XÃ HOÀI NHƠN

| Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất |                                               |                    |           |                    |           |                    |           |
|-------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|
| TT                                  | Loại đất                                      | Tổng               |           | Phân khu I         |           | Phân khu II        |           |
|                                     |                                               | Diện tích đất (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích đất (ha) | Tỷ lệ (%) | Diện tích đất (ha) | Tỷ lệ (%) |
|                                     | Tổng diện tích (I+II)                         | 820,82             | 100,00    | 436,92             | 100,00    | 383,90             | 100,00    |
| I                                   | Khu vực xây dựng các chức năng                | 809,90             | 98,67     | 428,51             | 98,08     | 381,39             | 99,35     |
| 1                                   | Đất dịch vụ - công cộng                       | 37,86              | 4,61      | 27,96              | 6,40      | 9,90               | 2,58      |
|                                     | Trong đó: Khu lưu trú người lao động          | 18,48              | 2,25      | 18,48              | 4,23      | 18,48              | 4,81      |
| 2                                   | Đất phát triển sản xuất công nghiệp, kho tàng | 533,48             | 64,99     | 271,99             | 62,25     | 261,49             | 68,11     |
| 3                                   | Đất cây xanh sử dụng công cộng                | 21,11              | 2,57      | 16,35              | 3,74      | 4,76               | 1,24      |
| 4                                   | Đất cây xanh chuyên dụng                      | 98,85              | 12,04     | 44,56              | 10,20     | 54,29              | 14,14     |
| 5                                   | Đất hạ tầng kỹ thuật khác                     | 31,44              | 3,83      | 15,44              | 3,53      | 16,00              | 4,17      |
|                                     | Trong đó: Bãi đỗ xe                           | 21,51              | 2,62      | 10,50              | 2,40      | 11,01              | 2,87      |
| 6                                   | Đất giao thông                                | 87,16              | 10,62     | 52,21              | 11,95     | 34,95              | 9,10      |
| II                                  | Khu vực các chức năng khác                    | 10,92              | 1,33      | 8,41               | 1,92      | 2,51               | 0,65      |
| 1                                   | Đất kênh, mương nước                          | 10,92              | 1,33      | 8,41               | 1,92      | 2,51               | 0,65      |



KÝ HIỆU:

- QH ĐỢT ĐẦU

QH DÀI HẠN
- ĐẤT DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG

ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG

ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG

ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO TÀNG

ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

KÊNH NƯỚC

GIAO THÔNG

RANH GIỚI XÃ

RANH GIỚI PHÂN KHU

RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

BÃI ĐỖ XE

CHÚ THÍCH:

- 1 - KHU DỊCH VỤ - CÔNG CỘNG  
2 - KHU LƯU TRÚ

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:.....NGÀY .....THÁNG.....NĂM 2024

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

KÈM THEO THẨM ĐỊNH SỐ:.....NGÀY .....THÁNG.....NĂM 2024

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

KÈM THEO VẤN BẢN SỐ:.....NGÀY .....THÁNG.....NĂM 2024

TÊN CÔNG TRÌNH  
QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/5000 KHU CÔNG NGHIỆP PHÚ MỸ, HUYỆN PHÚ MỸ  
ĐỊA ĐIỂM: XÃ MỸ AN VÀ XÃ MỸ THO, HUYỆN PHÚ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

| BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT |                          |               |                      |
|------------------------------|--------------------------|---------------|----------------------|
| BẢN VẼ: QH05                 | GHÉP: 1A0                | TỶ LỆ: FIT A0 | NGÀY...../...../2024 |
| THIẾT KẾ                     | KTS NGUYỄN QUANG ANH     |               |                      |
| CHỦ TRÌ                      | KTS VŨ THỦY NGÀ          |               |                      |
| ĐỒNG CHỦ NHIỆM               | THS. KTS NGUYỄN CHÍ HÙNG |               |                      |
|                              | KTS NGUYỄN THẾ PHƯƠNG    |               |                      |
| QL. KỸ THUẬT                 | THS. KTS KIỀU TUÂN TỬ    |               |                      |
| GIÁM ĐỐC                     | NGUYỄN NGỌC XUÂN QUỲNH   |               |                      |